BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO ĐẲNG
Môn: DỰ TOÁN (Ngành XD)
(Đáp án - thang điểm gồm 2/2 trang)

Câu	***Nội dung***	***Điểm***
1	Là ước tính sơ bộ vốn đầu tư xây dựng công trình để ghi vào dự án đầu tư. Ước toán do người lập dự án đầu tư ghi vào dự án. Căn cứ để lập ước toán là các quy định và chỉ tiêu ước toán hiện hành cho từng loại công trình do nhà nước ban hành.	1,0
Tổng điểm câu 1		**1,0 đ**
2	a) Bê tông cột TD≤0,1m^2, cao < 4m: ***(AF.12213)*** 2*0,2*0,2*3,7 = **0,296** m^3	1,0
	b) Bê tông xà dầm giằng: ***(AF.12313)*** + Dầm: 0,2*0,3*4,5 = 0,27 m^3 + Lanh tô: 0,1*0,15*4,1 = 0,0615 m^3 + GT: 2*2,6*0,1*0,1 = 0,052 m^3 ⇒ Khối lượng BT: 0,27+0,0615+0,052 = **0,3835** m^3	0,5 0,5 0,5 0,5
	c) Xây tường gạch ống 10x10x20, vữa XM M75 cao<=16m: ***(AE.61124)*** (4,1*1,25)/2*0,1 = **0,2562** m^3	1,0
	d) Trát tường trong dày 1,5cm, *dùng vữa XM M75*: ***(AK.21224)*** Khối lượng xây: (4,1*1,25)/2 = **2,562** m^2. Hoặc: kết quả câu c)/chiều dày tường	1,0
	Lưu ý: + Tra đúng mã hiệu định mức: 0,25 điểm *+ Đúng đơn vị tính: 0,25 điểm*	
Tổng điểm câu 2		**5,0 đ**

	STT	Mã hiệu	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Tên vật liệu	Đơn vị	Định mức vật liệu	Số lượng tổng cộng	Số lượng VLK theo VLC	Điểm
	Câu 1										**1,75**
3	1	AF.12223	Bê tông cột, tiết diện ≤ 0,1m^2, cao ≤ 16m, xi măng PC40, độ sụt 6-8cm, đá d_{max}=20mm, mác 200	m^3	25						*0,5*
						Xi măng	kg	296	7585	*0,758*	*0,25*
						Cát vàng	m^3	0,475	12,171	*0,121*	*0,25*
						Đá dăm	m^3	0,881	22,575	*0,225*	*0,25*
						Nước	lít	195	4996,875	*49,968*	*0,25*
						Gỗ ván cầu công tác	m^3	0,02	0,500	*0,005*	*0,25*
						Đinh	kg	0,048	1,200	*0,012*	
						Đinh đỉa	Cái	0,352	8,800	*0,088*	
		C3223	*Vữa=1,025 m^3*			*Vật liệu khác*	*%*	*1,0*	---		
	Câu 2										**1,00**
	2	AF.61711	Sản xuất lắp dựng cốt thép sàn mái, đường kính Ø ≤ 10mm, cao ≤ 16m	Tấn	5,3						*0,5*
						Thép tròn	kg	1005	5326,500		*0,25*
						Dây thép	kg	21,42	113,526		*0,25*
	Câu 3										**1,25**
	3	AF.81151	Sản xuất lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn sàn mái, dùng ván khuôn gỗ	100 m^2	5,6						*0,5*
						Gỗ ván	m^3	0,792	4,435	*0,044*	*0,25*
						Gỗ đà nẹp	m^3	0,112	0,627	*0,006*	*0,25*
						Gỗ chống	m^3	0,668	3,741	*0,037*	*0,25*
						Đinh	kg	8,05	45,080	*0,451*	

						Vật liệu khác	*%*	*1,0*	---		
Tổng điểm câu 3											**4,0 đ**